

# ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HUỲNH MỘNG TUYỀN\*

Ngày nhận bài: 02/11/2016; ngày sửa chữa: 08/11/2016; ngày duyệt đăng: 10/11/2016.

**Abstract:** This article mentions theoretical issues on learning methods of students and analyses situation of applying the common learning methods of students at Dong Thap University. After pointing out main causes of the situation, the article proposes recommendations for learning method innovation of students at Dong Thap University with aim to promote the positive and self-learning competence of students and improve learning quality.

**Keywords:** Learning method, students, Dong Thap University.

**P**hương pháp học (PPH) giúp người học phát huy tối đa tính tích cực, độc lập, sáng tạo của người học; trong đó: "Tri thức về phương pháp (PP) là kiến thức siêu kiến thức trong việc hình thành phẩm chất khoa học cho sinh viên (SV) cũng như trong việc đánh giá kết quả đào tạo" [1]. Thế nhưng, nhận thức của SV Trường Đại học (ĐH) Đồng Tháp về PPH hiện nay còn hạn chế, kĩ năng sử dụng các PPH chưa theo quy trình khoa học, hiệu quả; do đó, đổi mới PPH của SV là cách thức hữu hiệu để nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo hiện nay.

## 1. Cơ sở lý luận về PPH của SV

**1.1. Khái niệm.** PPH là hệ thống những hành động có chủ đích, theo một trình tự, kĩ thuật nhất định của SV thực hiện hoạt động học để chiếm lĩnh nội dung nhằm đạt được mục tiêu học của mình.

### 1.2. Các PPH cơ bản

**1.2.1. Thu thập và xử lý thông tin học tập.** Để thu thập và xử lý thông tin, SV cần sử dụng các PP: Quan sát, đọc sách, đặt câu hỏi, lắng nghe, phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, so sánh, phán đoán, suy luận và dùng các phép toán thống kê để xử lý thông tin về mặt định lượng và định tính. Các bước thực hiện: - Nhận và phân tích yêu cầu thông tin; - Xác định, lựa chọn thông tin; - Thực hiện thu thập và xử lý thông tin: kiểm tra, đánh giá kết quả thông tin. Các bước trên cần tiến hành theo kĩ thuật, thủ thuật nhằm phát huy tối đa hoạt động não bộ của con người, vai trò chủ thể tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo của SV.

**1.2.2. Lập và thực hiện kế hoạch học tập.** Trên cơ sở điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của bản thân, SV xác định mục tiêu học tập; từ phân tích những nội dung công việc theo thứ tự ưu tiên; lập kế hoạch và thời khoá biểu chi tiết: Hệ thống công việc theo thứ tự ưu tiên với vai trò chủ thể hoạt động học, không gian,

thời gian, điều kiện, phương tiện phù hợp; dự kiến đánh giá việc thực hiện kế hoạch; SV công khai, công bố kế hoạch học tập, dán kế hoạch ở vị trí phù hợp để SV thường xuyên nhìn thấy; huy động sức mạnh nội lực, tranh thủ "ngoại lực" thực hiện kế hoạch; sử dụng thời gian hợp lí, hiệu quả, thể hiện tác phong nhanh nhẹn trong hoạt động học tập, cuộc sống; xử lí tốt các tình huống phát sinh, luôn có sự bổ sung, bù khuyết cho bản kế hoạch của mình; thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ, PP, mục tiêu, hiệu quả... thực hiện kế hoạch, tìm nguyên nhân và luôn có biện pháp cải tiến, đổi mới việc thực hiện kế hoạch.

### 1.2.3. Thể hiện kết quả học tập:

- **Viết:** SV cần trả lời các câu hỏi: Viết để làm gì? Viết về nội dung gì? Thông điệp chính của bài viết là gì? Viết cho ai? Viết như thế nào?... SV cần xác định chủ đề, từ khóa, phân tích rõ các thuật ngữ, khái niệm liên quan đến chủ đề; xây dựng đề cương: hợp logic, xác định luận đề, luận điểm, luận chứng, luận cứ đúng với văn phong viết; thu thập và xử lý thông tin nhiều nguồn: quan sát thực tế, đọc sách, lắng nghe, phỏng vấn, điều tra... Nhiều thông tin thu được cần xử lí để có thông tin "tinh", khoa học, hiện đại. SV thực hiện viết theo những chiến thuật, đề cương định hướng; kiểm tra bài viết (tự kiểm tra, tham khảo bạn bè, thầy cô) loại bỏ những nội dung không cần thiết, chỉnh sửa lỗi chính tả, đánh máy, kĩ thuật trình bày... và hoàn chỉnh bài viết; rút kinh nghiệm sau khi bài viết được đánh giá kết quả.

- **Thuyết trình:** Trên cơ sở nắm chắc đối tượng, bài viết đã hoàn thành, SV lập đề cương cho bài nói, xác định logic nội dung (luận đề, luận điểm, luận cứ). Bài nói nên sử dụng từ khóa; tiêu đề chính và những ý quan trọng; Về hình thức trình bày: - Nên trình bày

\* Trường Đại học Đồng Tháp

bằng PowerPoint dưới dạng sơ đồ tư duy, màu sắc phù hợp; - Sử dụng kết hợp kênh chữ với kênh hình; - Biết cách sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiệu quả; - Chú ý phong cách trang phục, trang sức, trang điểm phù hợp; - Có tư thế đi đứng, nét mặt, giọng điệu phù hợp. Sử dụng các bí quyết giữ bình tĩnh, vẻ mặt, ánh mắt thân thiện, thoải mái, tự tin nhưng khiêm tốn; - Ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ trong truyền đạt nội dung đến đối tượng theo logic chặt chẽ, thuyết phục; - Có kỹ năng lắng nghe phản hồi các ý kiến để rút ra kinh nghiệm..

- **Thực hành:** - SV xác định mục tiêu, nhiệm vụ, các tiêu chuẩn chất lượng (kỹ thuật, thời gian...); - Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu thực hành; - Quan sát quá trình thực hành cụ thể (mẫu thực hiện); - Làm lại và giải thích, giáo viên và bạn bè kiểm tra, điều chỉnh các thao tác của SV; - Độc lập luyện tập hình thành kỹ năng; trình diễn việc thực hiện để được (thầy cô, bạn bè...) đánh giá, công nhận; - Đánh giá kết quả thực hành: kết quả thực hành cần được SV tự đánh giá, sau đó được giảng viên (GV) và các bạn phân tích, đánh giá ưu nhược điểm, kết quả đạt được nhằm hạn chế sai sót cho những lần sau; SV giải trình, nêu những thắc mắc... rút ra bài học.

**1.2.4. Tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.** Từ dự kiến tự kiểm tra, đánh giá trong kế hoạch học tập, SV xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí, xây dựng công cụ, sử dụng PP, hình thức, kênh đánh giá, phản hồi kết quả khoa học. SV tự trả lời các câu hỏi sau cho từng mục tiêu, tiêu chí đã xác định: Mức độ mục tiêu đã đạt là gì? Những thiếu hụt chưa hoàn thiện là gì? Lí do chưa hoàn thiện? Các biện pháp khắc phục? SV có thể xây dựng hồ sơ học tập cho bản thân, sau đó đối chiếu với mục tiêu ban đầu, đánh giá mức độ đạt được của bản thân qua các sản phẩm. Ngoài việc mỗi SV tự kiểm tra, đánh giá bản thân, họ cũng có thể tìm kiếm ý kiến đánh giá từ GV, các bạn trong lớp, trong nhóm cho các hoạt động tự học của mình.

Các PPH trên có mối quan hệ biện chứng và cần thực hiện thống nhất, đồng bộ, với quy trình, kỹ thuật, thủ thuật phù hợp để tạo nên hiệu quả học tập cao.

## 2. Thực trạng PPH của SV Trường ĐH Đồng Tháp

Tháng 9-12/2014, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng về PPH trên 309 SV sư phạm năm thứ 2 và 100 GV, cán bộ quản lý (CBQL) chuyên môn ở các Khoa của Trường ĐH Đồng Tháp. PP nghiên cứu được sử dụng là điều tra, phỏng vấn, nghiên cứu sản phẩm hoạt động. Kết quả thu được như sau:

**2.1. Nhận thức của SV về PPH:** Đa số SV chưa nhận thức đúng vị trí quan trọng của PPH. Mối quan tâm thứ nhất đối với SV là việc “*thi cử*”; tiếp đến là “*nội dung*”, yêu cầu học tập của GV; Yếu tố PPH được SV xếp thứ 3 với giá trị trung bình là 3,04. Khi chúng tôi yêu cầu SV kể tên các PP “*thu thập, xử lý thông tin*” thì có 55,33% SV trả lời “*không biết*”; 44,67% tuy có trả lời câu hỏi nhưng vẫn không nêu được tên PP đúng. Với yêu cầu: “*Hãy kể tên các PP đọc sách đã biết*”, 55,33% SV trả lời “*không biết*”; 8,73% SV nêu đúng tên PP “*đọc lướt*”; 35,94% tuy có trả lời câu hỏi nhưng vẫn không nêu được tên PP đọc sách cụ thể. Với câu hỏi: “*Hãy kể tên các bước trong quy trình lắng nghe hiệu quả*”; 90,30% SV trả lời “*không biết*”; 9,7% tuy có trả lời nhưng vẫn không nêu đúng các bước của quy trình “*lắng nghe*” hiệu quả. Kết quả trên phần nào cho thấy SV còn nhiều hạn chế trong hiểu biết các PPH.

## 2.2. Thực trạng sử dụng các PPH của SV:

**2.2.1. Sử dụng PP thu thập và xử lý thông tin học tập của SV (bảng 1):**

Bảng 1. Nhóm PP thu thập và xử lý thông tin học tập của SV

TT	Nội dung	GV, CBQL		SV	
		Trung bình	Thứ bậc	Trung bình	Thứ bậc
1	Đọc sách	2,46	6	2,32	6
2	Lắng nghe	3,06	1	3,01	2
3	Hỏi (giáo viên, bạn bè...)	2,81	3	2,93	5
4	Quan sát	2,87	2	3,28	1
5	Phân tích, tổng hợp	2,65	5	2,99	3
6	Suy luận, phán đoán	2,68	4	2,95	4
7	Thống kê số liệu học tập	2,81	3	2,15	7
8	Ý kiến khác				

Bảng 1 cho thấy, các PP thu thập và xử lý thông tin của SV qua 2 ý kiến GV, CBQL, SV đạt chủ yếu ở mức “*trung bình yếu*” (dao động từ 2,13-3,28).

**2.2.2. Lập và thực hiện kế hoạch học tập của SV (bảng 2):**

Bảng 2. Lập kế hoạch học tập của SVSP

TT	Nội dung	GV, CBQL		SV	
		Trung bình	Thứ bậc	Trung bình	Thứ bậc
1	Xác định điểm mạnh, điểm yếu; thời cơ, thách thức đối với việc học của SV	2,37	6	2,55	4
2	Xác định mục tiêu học tập ngắn hạn	3,00	2	3,16	3
3	Xác định mục tiêu quá trình, dài hạn	3,18	1	3,75	2
4	Xác định hệ thống công việc với quý thời gian cụ thể thực hiện kế hoạch ngắn hạn	2,75	4	4,19	1
5	Xác định hệ thống công việc với quý thời gian cụ thể thực hiện kế hoạch dài hạn	2,50	5	2,50	5
6	Xây dựng biện pháp thực hiện kế hoạch dài hạn	2,43	3	2,55	4
7	Ý kiến khác				

Bảng 2 cho thấy, việc lập kế hoạch học tập của SV chỉ đạt mức trung bình - yếu. Việc “xác định hệ thống công việc với quỹ thời gian cụ thể thực hiện kế hoạch dài hạn” và “việc xác định điểm mạnh, điểm yếu; thời cơ, thách thức đối với việc học” bị xem nhẹ. Cả hai ý kiến đều thống nhất rằng SV đạt hiệu quả cao trong lập kế hoạch ngắn hạn là chủ yếu. Các kế hoạch dài hạn, điều kiện và phương thức thực hiện chưa được quan tâm đúng mức.

### 2.2.3. PP viết (xem bảng 3)

Bảng 3. Thể hiện kết quả học tập qua viết của SV

TT	Nội dung	GV, CBQL		SV	
		Trung bình	Thứ bậc	Trung bình	Thứ bậc
1	Xác định từ khóa của đề tài học tập, đề thi, đề kiểm tra	2,90	5	2,94	5
2	Làm rõ thuật ngữ, khái niệm của đề tài, đề thi	3,03	3	2,99	2
3	Xây dựng đề cương	3,21	2	2,96	3
4	Xác định luận đề, luận điểm, luận chứng, luận cứ	2,87	7	2,06	7
5	Thu thập thông tin nhiều nguồn	3,25	1	3,08	1
6	Viết theo logic chặt chẽ luận đề, luận cứ, luận chứng	2,75	8	2,00	8
7	Bản thân tự kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung	2,84	6	2,95	4
8	Nhờ bạn góp ý, bổ sung với vấn đề tự học, nghiên cứu	2,96	4	2,91	6
9	Nhờ thầy, cô góp ý, sửa	2,96	4	2,94	5
10	Ý kiến khác				

Bảng 3 cho thấy: các bước, quy trình, thủ thuật viết ở SV đều đạt mức độ “trung bình yếu”. Yếu nhất là “xác định vấn đề”, “xây dựng đề cương, xác định logic cấu trúc”... Thực tế qua nhiều năm giảng dạy chúng tôi nhận thấy, SV thường xác định chưa đúng đề qua trả lời câu hỏi trên lớp, báo cáo kết quả học tập, làm bài kiểm tra, thi... Khi viết, SV thường dành ít thời gian cho việc xác định vấn đề, không lập đề cương hay dàn ý; không tra cứu thuật ngữ, khái niệm (mặc dù chưa rõ, chưa hiểu); viết dài dòng, tùy tiện không theo logic chặt chẽ; ít SV đọc lại bài kiểm tra, bài thi của mình trước khi nộp.

### 2.2.4. Thuyết trình (xem bảng 4)

Bảng 4. Kết quả khảo sát về PP Thuyết trình

TT	Nội dung	GV, CBQL		SV	
		Trung bình	Thứ bậc	Trung bình	Thứ bậc
1	Xác định yêu cầu học tập do GV đặt ra	3,46	1	2,79	5
2	Huy động kiến thức tinh hoa, khoa học, hiện đại	2,87	5	2,93	3
3	Dùng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ chuyển nội dung học tập	3,03	4	2,90	4
4	Thể hiện hàm lượng trí tuệ, sự sáng tạo, xúc cảm	3,03	4	2,69	6
5	Ngắn gọn, rõ ràng, súc tích, theo logic chặt chẽ	2,78	6	3,04	2
6	Kết hợp kênh hình, kênh chữ khi trình bày	3,31	2	2,93	3
7	Quan sát, lắng nghe... điều chỉnh sự trình bày	3,21	3	3,44	1
8	Ý kiến khác				

Kết quả khảo sát PP Thuyết trình của SV ở mức trung bình; trong đó, các kĩ năng như “sử dụng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ chuyển tải nội dung học tập”; “thể hiện hàm lượng trí tuệ, sự sáng tạo, xúc cảm”; “trình bày ngắn gọn, rõ ràng, súc tích, theo logic chặt chẽ”... là những kĩ năng kém nhất. Một vài kĩ năng khác có khá hơn như “xác định yêu cầu học tập”; “biết quan sát, lắng nghe...”; “điều chỉnh sự trình bày”...

Thực tiễn giảng dạy cho thấy, nhiều SV chưa huy động được kiến thức tinh hoa, khoa học, hiện đại để vận dụng vào bài thuyết trình cho sinh động, có chiều sâu, có sức thuyết phục mà chỉ trình bày theo sự “cóp nhặt” trên mạng hoặc từ các tài liệu học tập do GV cung cấp. Phương thức trình bày bài thuyết trình còn đơn điệu, thiếu điểm nhấn, chưa biết cách sử dụng phi ngôn ngữ như ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ...

### 2.2.5. PP tự kiểm tra, đánh giá tự học (bảng 5)

Bảng 5. PP tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV

TT	Nội dung	GV, CBQL		SV	
		Trung bình	Thứ bậc	Trung bình	Thứ bậc
1	Xác định tiêu chuẩn, tiêu chí, công cụ đánh giá	2,90	6	2,93	5
2	Thu thập thông tin, minh chứng	2,84	8	3,48	2
3	Tự nhận xét, đánh giá kết quả học tập của bản thân	2,87	7	3,16	4
4	Nhận xét, đánh giá kết quả học tập của các bạn khác	3,37	1	3,39	3
5	Đối chiếu kết quả với mục tiêu đề ra	3,12	3	3,64	1
6	Đối chiếu kết quả học tập cá nhân với bạn cùng lớp...	3,18	2	2,82	6
7	Tham khảo ý kiến của bạn về sự tiến bộ của bản thân	2,93	5	2,69	7
8	Lắng nghe ý kiến của thầy, cô về sự tiến bộ của bản thân	2,96	4	2,82	6
9	Tìm nguyên nhân kết quả và điều chỉnh quá trình học tập	2,96	4	2,93	5
10	Ý kiến khác				

Bảng 5 cho thấy, PP thực hiện các công việc tự kiểm tra, đánh giá chủ yếu đạt ở mức trung bình; trong đó yếu nhất là “lắng nghe ý kiến nhận xét của người khác về sự tiến bộ của bản thân” (GV=2,96; SV=2,82), “điều chỉnh quá trình học tập” (GV=2,96; SV=2,93); “huy động sự đánh giá khách quan để đánh giá quá trình, PPH của bản thân”... Thực tế này cho thấy, nhiều SV chưa xác định đúng nguyên nhân cũng như chưa có biện pháp hữu hiệu để điều chỉnh quá trình học tập nhằm cải thiện thành tích học tập của bản thân.

Bảng 6. Nguyên nhân của thực trạng

TT	Nội dung	GV, CBQL		SV	
		Trung bình	Thứ bậc	Trung bình	Thứ bậc
1	Sự quan tâm của CBQL	3,37	4	2,89	8
2	Nhận thức, thái độ về PPH của SV	3,84	2	3,24	5
3	Khả năng tự đào tạo, bồi dưỡng về PPH của SV	3,37	4	3,33	4
4	Môn PPH ĐH trong chương trình đào tạo	3,00	6	3,30	3
5	Day PPH qua quá trình dạy học của GV	3,50	3	3,46	1
6	Bồi dưỡng PPH cho SV qua hoạt động ngoài giờ lên lớp	3,12	5	3,42	2
7	Nguồn tài liệu, phương tiện, môi trường học tập ĐH	2,71	7	3,08	7
8	Phẩm chất, năng lực, vai trò GV cố vấn học tập		1	3,14	6
9	Ý kiến khác				

### 2.3. Nguyên nhân của thực trạng (bảng 6)

Bảng 6 cho thấy, tất cả các nguyên nhân đều ảnh hưởng lớn đến đổi mới PPH của SV. Ảnh hưởng lớn nhất là “*Phẩm chất, năng lực, vai trò của cố vấn học tập*” (GV: 4,15); “*Quá trình đào tạo*” (SV: 3,46); “*Sự hiểu biết, làm chủ các PPH và dạy PPH cho SV qua quá trình dạy học của GV*”... còn hạn chế. Khi chúng tôi yêu cầu SV kể tên các PP thu thập thông tin mà GV đã hướng dẫn SV, 15,62% SV trả lời “*không biết*”, 84,38% GV trả lời câu hỏi nhưng vẫn chưa nêu đúng tên các PP thu thập và xử lý thông tin; kể tên các PP đọc sách đã hướng dẫn SV: 9,37% GV trả lời “*không biết*”; 90,63% GV trả lời nhưng chưa nêu đúng được tên các PP đọc sách. Yêu cầu kể tên các bước trong quy trình lắng nghe hiệu quả, có 90% GV ghi ý kiến trả lời là “*không biết*” có ảnh hưởng lớn đến PPH của SV. Ngoài ra, vấn đề bồi dưỡng PPH cho SV qua hoạt động ngoài giờ lên lớp rất ít thực hiện nên cũng ảnh hưởng rất lớn (ý kiến SV: 3,42); đặc biệt là vai trò chủ thể tích cực tự đào tạo, bồi dưỡng PPH của SV (GV: 3,37). SV rất ít tự tìm hiểu về PPH. Khi được phỏng vấn, SV trả lời: “*Học bài trong lớp đã có một, không có thời gian đọc thêm sách...*”, cộng thêm nguồn tài liệu về PPH, phương tiện, môi trường học tập ở trường học ĐH... Do đó, cần có những biện pháp tác động để đổi mới PPH cho SV.

### 3. Đổi mới PPH cho SV Trường ĐH Đồng Tháp

**3.1. Bồi dưỡng nâng cao PPH cho GV, cố vấn học tập, CBQL.** Trường ĐH Đồng Tháp cần có kế hoạch bồi dưỡng CBQL và GV về PPH thông qua hội thảo, tập huấn trong và ngoài nước. Cán bộ,

GV, SV cần được tạo điều kiện để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về PPH. Tổ, khoa chuyên môn của Trường cần có kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn, học thuật thường xuyên hàng tháng về PPH. Trên nền tảng kết quả bồi dưỡng, GV cần thường xuyên tự học, tự nghiên cứu về PPH để hướng dẫn cho SV. CBQL chuyên môn cần có kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả tự học, tự bồi dưỡng PPH của GV; khen thưởng những GV có nhiều thành tích nâng cao PPH của bản thân cũng như hướng dẫn cho SV.

**3.2. Đổi mới công tác đào tạo SV sư phạm.** Trường ĐH Đồng Tháp cần chỉ đạo các khoa thực hiện đổi mới PPH cho SV; xây dựng chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận năng

lực PP, năng lực thực tiễn nghề. Từ hệ thống năng lực theo yêu cầu Chuẩn, khoa chuyên môn cần phát triển chương trình các môn học có sự tích hợp dạy SV về PPH. Trong chương trình đào tạo, SV cần được học học phần PPH ĐH. Qua học phần này, SV chiếm lĩnh hệ thống kiến thức về PPH, hệ thống kĩ năng trong các tình huống học tập điển hình. SV sẽ tiếp tục được trải nghiệm, thực hành trong tất cả các học phần của quá trình học ĐH. Ngoài ra, khoa, tổ chuyên môn đề xuất các nội dung bồi dưỡng PPH cho SV, chỉ đạo các tổ chuyên môn biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng PPH cho SV qua nghiên cứu, qua tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục ngoài giờ lên lớp.

**3.3. Tích hợp dạy PPH cho SV thông qua quá trình dạy học của GV.** GV cần phổ biến đề cương môn học cho SV, sau đó hệ thống hóa yêu cầu tự học cụ thể để SV tự xây dựng chương trình học cho riêng mình. Qua thực hiện nhiệm vụ tự học, SV trải nghiệm các PPH cơ bản; hướng dẫn SV các PPH hiệu quả, kích thích, động viên SV đọc và GV khen ngợi, tuyên dương, khen thưởng những kết quả thu hoạch tốt của SV. GV cần thường xuyên theo dõi để biết ưu điểm, hạn chế PPH của SV, qua đó thường xuyên phát huy, khắc phục, nên chú trọng cả kiến thức, kĩ năng, thái độ và PPH của SV trong đánh giá kết quả học phần.

**3.4. Tổ chức bồi dưỡng PPH cho SV thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp.** Khoa, tổ chuyên môn cần đổi mới công tác tư vấn PPH của cố vấn học tập; Tổ chức phong phú hoạt động ngoài giờ lên lớp để bồi dưỡng PPH cho SV, đặc biệt là tổ chức câu lạc bộ bồi dưỡng PPH cho SV. GV cần xác định những

nội dung quan trọng trong hệ thống PPH để thiết kế thành các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hỗ trợ cho các kiến thức đã được dạy hoặc tự học về PPH của SV; những hoạt động ngoài giờ lên lớp cần chú ý để nâng cao năng lực PPH cho SV là các buổi tọa đàm, thảo luận chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt câu lạc bộ, giao lưu giữa các khoa, các trường để trao đổi kinh nghiệm,... Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng cần có nội dung hấp dẫn, thiết thực, PP, hình thức sinh động, hấp dẫn, tiến trình tổ chức khoa học, nghệ thuật. Khoa, tổ chức lập kế hoạch, xác định những nội dung hoạt động phù hợp, xây dựng quy trình bồi dưỡng, kế hoạch bồi dưỡng và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, chú ý đến thời gian tổ chức hoạt động tránh ảnh hưởng đến quá trình học tập và thời gian tự học của SV. Ban tổ chức cần huy động tài lực, vật lực để thực hiện hệ thống hoạt động ngoài giờ lên lớp bồi dưỡng PPH cho SV hiệu quả. Đặc biệt, cần đổi mới nội dung, PP, hình thức của trung tâm tư vấn học tập của Trường ĐH Đồng Tháp. Đội ngũ thực hiện công việc cố vấn học tập cho SV là GV đúng chuyên ngành, thâm niên, tâm huyết...

**3.5. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của SV trong tự đào tạo, bồi dưỡng PPH.** GV định hướng giúp SV xác định đúng mục đích, mục tiêu học tập, lí tưởng nghề nghiệp. PPH phải trở thành mục tiêu quan trọng nhất của SV để họ tự làm thầy bản thân, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ suốt đời. SV phải thường xuyên đầu tư học PP, kĩ năng học; tích cực học hỏi từ sách, thầy, cô, bạn bè, anh, chị khóa trước... để nâng cao PP, kĩ năng học cho bản thân; tích cực chuẩn bị nội dung và PPH, thể hiện, trải nghiệm trên lớp được thầy, cô, bạn bè góp ý, chia sẻ kinh nghiệm để không ngừng cải thiện PPH của mình; tích lũy lí luận, trải nghiệm thực tiễn trong phong phú hình thức, điều kiện học tập như ở lớp, nhóm, tự học cá nhân... Tích cực nghiên cứu các đề tài về PPH, công bố kết quả thông qua bài báo trên các tạp chí khoa học.

**3.6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV.** GV cần được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đánh giá PPH của SV; mặt khác, có thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên SV dưới nhiều hình thức như: phiếu điều tra, ghi chép học tập, kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kì,..., đánh giá cả quá trình dạy học cũng như hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Dựa trên chương trình, kế hoạch và tiêu chí, chuẩn mực đánh giá cụ thể cho từng PPH, GV đánh giá đảm bảo cả định tính và định

lượng. Nhận xét của GV cần mang tính khích lệ, động viên. Kết quả PPH của SV cần được biểu dương, khen thưởng, cộng điểm khuyến khích.

\*\*\*

PPH là hệ thống những hành động có chủ đích, theo một trình tự, kĩ thuật nhất định của SV thực hiện hoạt động học để chiếm lĩnh nội dung nhằm đạt được mục tiêu học. Hệ thống PPH gồm PP thu thập xử lí thông tin, lập và thực hiện kế hoạch học tập, PP thể hiện kết quả học tập qua viết, nói, thực hành và PP kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Các PPH được làm rõ quy trình, kĩ thuật thực hiện hiệu quả. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, nhận thức của SV về PPH còn hạn chế; kĩ năng sử dụng các PPH theo quy trình, kĩ thuật hiệu quả đạt mức trung bình yếu. Nguyên nhân ảnh hưởng lớn nhất là phẩm chất, năng lực, vai trò GV cố vấn học tập, qua quá trình dạy học của GV, bồi dưỡng thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp; vai trò chủ thể tích cực tự đào tạo, bồi dưỡng PPH của SV. Trên cơ sở lí luận, thực tiễn, 6 biện pháp đổi mới PPH cho SV, Trường ĐH Đồng Tháp cần được thực hiện là bồi dưỡng nâng cao PPH cho GV, cố vấn học tập, CBQL chuyên môn; đổi mới quá trình đào tạo; tích hợp dạy PPH cho SV thông qua quá trình dạy học; bồi dưỡng qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; phát huy vai trò chủ thể tích cực của SV trong tự học, tự bồi dưỡng; đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. □

**(Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số CS2015.01.50)**

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Trung Thanh (1998). *Phương pháp học tập, nghiên cứu của sinh viên cao đẳng, đại học*. NXB Giáo dục.
- [2] Lê Khánh Bằng (1998). *Tổ chức phương pháp tự học cho sinh viên đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Nguyễn Văn Đản (2012). *Tổ chức hoạt động học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Thu Giang - Nguyễn Duy Cần (2010). *Tôi tự học*. NXB Thanh niên, TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Jeannett Vos Gordendryden (2000). *Cách mạng học tập*. NXB Văn hoá - Thông tin.
- [6] Hoàng Lâm (2008). *12 bí quyết học tập của học sinh giỏi*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Cảnh Toàn (2004). *Học và dạy cách học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Phạm Quang Tuyến - Hồ Thị Hồng Vân (2015). *Lí thuyết phong cách học tập và khả năng ứng dụng trong dạy học phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 353, tr 55-57.